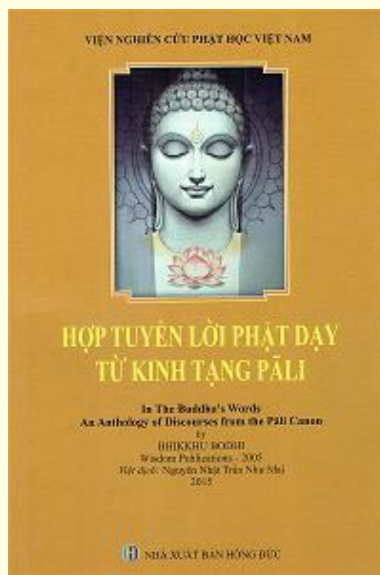


Độc Tác Phẩm “Hợp Tuyển Lời Phật Dạy Từ Kinh Tạng Pali”

HT Thích Như Điển



Năm nay (2016) trong chương trình của tôi, không dự định đi sang Úc, nhưng ngày 23 tháng 6 năm 2016 vừa qua, Hòa Thượng Thích Như Huệ, Phương Trưởng Tổ Đình chùa Pháp Hoa tại Nam Úc viên tịch ở tuổi 83, và Ngài cũng là vị Thầy dạy Đạo cho tôi từ năm 1964 đến năm 1968, nên tôi phải sang Úc để tham dự Lễ Tang của Ngài tại Adelaide, miền Nam nước Úc. Sau đó tôi về Sydney mấy ngày để thăm Pháp Bảo cũng như Đa Bảo, rồi được Thượng Tọa Nguyên Tạng mời về dự Khóa An Cư Kiết Đông kỳ thứ 17 do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan tổ chức tại Tu Viện Quảng Đức ở Melbourne (miền Đông nước Úc) từ ngày 5 đến ngày 15 tháng 7 năm 2016. Do vậy tôi đã kết hợp với chuyến đi này để đến tham dự Khóa An Cư lần đầu tiên tại đây đối với tôi từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 7, và sau đó phải trở lại Đức để còn phải tiếp tục cho bao nhiêu công việc Phật sự khác nữa.

Trưa ngày 5 tháng 7 năm 2016, sau lễ Khai mạc Khóa An Cư Kiết Đông lần thứ 17 của Giáo Hội Úc Châu tại Tu Viện Quảng Đức, là lễ Quá đường đầu tiên của trường Hạ. Hôm đó chính Đạo Hữu Giáo Sư Nguyên Nhật Trần Như Mai đã tác bạch lễ cúng dường quyển sách “Hợp tuyển lời Phật dạy từ Kinh Tạng Pali” lên chư Tôn Thiên Đức trong trường Hạ. Sau khi về phòng, tôi bắt đầu đọc tác phẩm giá trị này do Ngài học giả Bhikkhu Bodhi người Hoa Kỳ viết và dịch từ tiếng Pali sang tiếng Anh; Giáo Sư Nguyên Nhật Trần Như Mai đã dày công phiên dịch sang tiếng Việt và đã được Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam cho xuất bản dưới hình thức ấn tống vào năm 2015. Đây là một tác phẩm giá trị không thể bỏ qua được, nên tôi đã đọc từ trang bìa cho đến hết trang cuối của hơn 600

trang sách trong nhiều ngày với không biết bao nhiêu là điều cần phải học hỏi thêm từ Kinh Tạng Pali, mà tôi vốn ít có duyên với việc đọc và nghiên cứu kinh sách từ Phật Giáo Nguyên Thủy này.

Hòa Thượng Bodhi là Tăng Sĩ người Hoa Kỳ tu theo truyền thống Theravada. Ngài sinh năm 1944, năm nay Ngài đã 72 tuổi. Năm 1972 sau khi hoàn tất học vị Tiến sĩ Triết học tại Đại Học Claremont, Hoa Kỳ, Ngài đã đến Tích Lan và thọ giới Sa Di tại đó. Năm 1973 Ngài thọ giới Tỳ Kheo với Ngài Ananda Maitreya. Ngài sống tổng cộng hơn 20 năm tại Kandy, Tích Lan và hiện nay Ngài đang lưu trú tại Tu Viện Chuang Yen ở New York, một Tu Viện thuộc Phật Giáo Đại Thừa. Ngài là dịch giả và tác giả của nhiều Kinh sách quan trọng như: *Tăng Chi Bộ Kinh*, *Trung Bộ Kinh*, *Tương Ưng Bộ Kinh*, *cẩm nang tổng hợp Vi Diệu Pháp*, *Bát Thánh Đạo*, *Hợp Tuyển lời Phật dạy v.v...* Như vậy phần Kinh Tạng Nikaya Ngài đã trực tiếp dịch từ tiếng Pali sang tiếng Anh khá nhiều, chỉ trừ Trường Bộ Kinh và Tiểu Bộ Kinh là Ngài chưa dịch. Đây là một trong những dịch giả Tây Phương đáng tin cậy, vì lẽ tiếng Anh vốn là tiếng Mẹ đẻ của Ngài và với học vị Tiến Sĩ cũng như ở Tích Lan đến hơn 20 năm, thì đây là cơ hội để Ngài nghiên tầm tiếng Pali và dịch thẳng lời Phật dạy được viết từ tiếng Pali sang tiếng Anh, vốn đã được hình thành tại Ấn Độ và Tích Lan khoảng năm 85 trước Tây Lịch.

Quyển sách trên, Ngài Bodhi trong phần chú thích đã trích dẫn nhiều lời giảng giải của Ngài Nyanaponika. Điều này cũng dễ hiểu, vì trong thời gian hơn 20 năm Ngài Bodhi ở Tích Lan thì cũng đã gặp và cùng tu học với Ngài Nyanaponika tại Kandy. Ngài Nyanaponika sinh ngày 21 tháng 7 năm 1901 tại Hanau gần Frankfurt, Đức Quốc và đã viên tịch vào ngày 19 tháng 10 năm 1994 tại Kandy, Tích Lan sau 57 năm sống một đời sống Tăng Sĩ Nam Tông trọn vẹn. Ngài tên thật là Siegmund Feniger. Với 93 năm ở trần thế và 57 năm xuất gia học đạo, Ngài Nyanaponika đã đóng góp cho Phật Giáo Tích Lan và Phật Giáo Âu, Mỹ không ít. Ngài cũng đã dịch Tập A Hàm (Samyutta Nikaya) và Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttara Nikaya) ra tiếng Đức hoàn toàn. Do vậy những học giả và Phật Tử người Đức cũng như người Thụy Sĩ nhớ ơn Ngài rất nhiều. Ngài Bodhi ở Tích Lan đến năm 1993, lúc ấy Ngài Nyanaponika vẫn còn hiện hữu và chắc chắn hai vị đã trao đổi với nhau bằng tiếng Anh. Cả hai Ngài này tôi đều có duyên gặp mặt tại Tích Lan và ở Đức. Tôi gặp Ngài Nyanaponika tại Kandy vào năm 1992 do Hòa Thượng Tiến Sĩ Seelawansa giới thiệu. Chúng tôi trao đổi với nhau bằng tiếng Đức và lúc ấy Ngài đã yếu đi nhiều. Còn Ngài Bodhi thì tôi đã gặp tại Đại Học Hamburg, Đức Quốc cách đây chừng 10 năm về trước khi Ngài đến tham dự Hội Nghị về Ni giới, đặc biệt là vấn đề cho thọ giới Tỳ Kheo Ni theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng dưới sự chủ trì của Đức Đạt Lai Lạt La thứ 14.

Cố Hòa Thượng Tiên Sĩ Thích Minh Châu sau khi tốt nghiệp tại Đại Học Nalanda, Ấn Độ, Ngài về nước và làm Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh từ năm 1964 đến năm 1975. Trong thời gian này Ngài đã cố công dịch thuật thẳng từ tiếng Pali sang tiếng Việt các tạng Nikaya như: Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh và Tiểu Bộ Kinh (Jātaka : Chuyện Tiền Thân Đức Phật) thì Ngài chỉ dịch ra tiếng Việt từ Tập I-Tập V, và sau này đã có cố Giáo sư cư sĩ Nguyên Tâm Trần Phương Lan tiếp tục dịch sang tiếng Việt (Tập VI –Tập X) theo bản tiếng Anh của Hội Kinh Tạng Pali, Luân đôn- Anh Quốc (Pali Text Society – Oxford University-London) để hoàn thành Tam Tạng Kinh Điển của hệ phái Theravada. Đây là một thành quả tuyệt vời của Cố Hòa Thượng Minh Châu cũng như của Phật Giáo Việt Nam chúng ta. Cho đến nay (2016) Đại Tạng Kinh Nam Truyền đã hoàn thành và đóng thành 13 tập rất trang nhã. Tập 1 có 744 trang, tập 2 có 632 trang, tập 3 có 666 trang, tập 4 có 810 trang, tập 5 có 844 trang; tập 6 có 860 trang, tập 7 có 786 trang, tập 8 có 814 trang, tập 9 có 662 trang, tập 10 có 768 trang, tập 11 có 802 trang, tập 12 có 756 trang và tập 13 của Tiểu Bộ Kinh có 714 trang. Tổng cộng 13 quyển là 9.858 trang. Đó là tất cả những lời Phật dạy suốt 45 năm hiện thế của Ngài.

Giáo Sư Nguyên Nhật Trần Như Mai trong “Lời giới thiệu của người dịch” đã cho biết là nhờ có vị Thầy Bồn Sư của mình là Cố Hòa Thượng Thích Minh Châu đã dịch bộ Kinh Nikaya từ tiếng Pali sang tiếng Việt mà Giáo Sư đã tham khảo nơi đó để dịch nên Tác Phẩm này và Giáo Sư cũng đã cảm ơn Ngài Bodhi đã dày công dịch bộ Kinh Nikaya từ tiếng Pali sang tiếng Anh, cũng như giảng dạy thông qua Internet, để Phật Tử khắp thế giới có thể lắng nghe và học tập. Ngoài ra dịch giả cũng đã có cơ hội trực tiếp trao đổi email với Ngài Bodhi khi có những thắc mắc về Phật Pháp, cũng như Ngài Bodhi sẵn sàng hỗ trợ cho việc phát hành tác phẩm này tại Hoa Kỳ. Dịch giả phải nói là thông thạo Anh văn và Việt văn, nên văn phong rất lưu loát khiến cho người đọc khi đọc đến bất cứ đoạn dịch nào, dầu cho có khó hiểu đến bao nhiêu đi chăng nữa, thì cũng có thể tiếp tục đọc những dòng suối mát thanh lương từ kim khẩu của Đức Phật hay các Đại Đệ Tử của Ngài, khi kể một câu chuyện hay giảng sâu về Vô ngã, Niết Bàn

v.v...

Từ chương thứ nhất “Thân phận con người”, chương thứ hai “Người mang lại ánh sáng”, chương thứ ba “Tiếp cận giáo pháp”, chương thứ tư “Hạnh phúc thấy rõ ngay trong đời sống hiện tại”, chương thứ năm “Con đường đưa đến tái sinh tốt đẹp”, chương thứ sáu “Tầm nhìn thâm sâu về thế giới”, chương thứ bảy “Con đường giải thoát”, chương thứ tám “Tu tập tâm”, chương thứ chín “Chiếu sáng tuệ quang” cho đến chương thứ mười “Các cấp bậc chứng đắc”, cứ trước mỗi chương như vậy Ngài Bodhi đều có lời giới thiệu tổng quát từng chương, khiến cho người đọc không ngỡ ngàng khi đi vào nội dung, mà còn hiểu rõ thêm ý giải thích của Ngài qua các vấn đề khác nhau của nội dung nữa. Đây là việc làm của các học giả, mà một người viết sách bình thường khó thực hiện được. Và lại lời

Phật dạy thì sâu thâm vô cùng, mỗi lời, mỗi ý đều có mục đích duy nhất là làm cho người nghe phải đập vỡ vỡ vô minh ra từng mảnh nhỏ thì mới có thể tiếp nhận được giáo lý của Ngài. “Đây là ta, đây là của ta, đây là tự ngã của ta” hay khi đã ngộ được rồi thì: “Đây không phải là ta, đây không phải là của ta và đây không phải là tự ngã của ta”.

Khi năm hạ phần kiết sử như: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham lam, sân hận vẫn còn nơi các vị mới chứng quả Dự Lưu hay Thất Lai thì vẫn có thể sanh Thiên, nhưng chưa sạch sẽ trọn vẹn năm hạ phần kiết sử này thì không thể chứng được các quả vị Nhất Lai hay Bất Lai. Muốn chứng được Hữu Dur Y hay Vô Dur Y Niết Bàn thì Vị đó theo luận giải trong Tương Ứng Bộ Kinh ở phần chú thích số 36 của chương 10 rất hay như sau: “Diễn tiến tinh thần của một kẻ vô văn phạm phu cũng giống như một miếng vải bẩn. Ba sự quán chiếu (về Vô thường, Khổ và Vô ngã) giống như ba chất tẩy uế. Diễn tiến tinh thần của một vị Bất Lai giống như miếng vải đã được giặt sạch bằng ba chất tẩy uế ấy. Những phiền não cấu uế cần được đoạn trừ đối với một vị đang trên đường tu tập hướng đến quả A La Hán cũng giống như mùi của chất tẩy uế còn sót lại. Tri kiến về con đường đưa đến quả A La Hán cũng giống như mùi hương ngọt ngào của chiếc tủ đựng vải và sự đoạn diệt mọi phiền não cấu uế của con đường ấy cũng giống như mùi chất tẩy rửa còn sót lại trên vải đã biến mất sau khi miếng vải được cất vào tủ” . Đọc đoạn văn này tôi đã thấm thấu ý của Đức Phật qua lời dạy cũng như những ví dụ rất chính xác, khiến tâm tôi cũng hỷ lạc vô cùng.

Khi định nghĩa về hai chữ Như Lai ở trang 542, Kinh Tăng Chi I đã có một số giải thích ngắn, trong đó có câu: “*Này các Tỳ Kheo, Như Lai nói gì thì làm như vậy và làm gì thì nói như vậy. Vì Như Lai làm đúng như đã nói và nói đúng như đã làm, nên được gọi là Như Lai*”. Trong khi đó Kinh Kim Cang thì định nghĩa rằng: “*Như Lai giả vô sở tòng lai, diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai*” . Nghĩa là: “*Như Lai không từ đâu đến và cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai*”. Tuy nhiên, trong Chương II, phần giới thiệu tổng quát, Bhikkhu Bodhi có đề cập định nghĩa khác của Như Lai (trang 80, đoạn 2):.. Trong phần mở đầu của Kinh Đại Duyên (*Mahāpadāna Sutta, Trưòng BK 14*), danh xưng Như Lai (*Tathāgata*) ...có nghĩa là người “ *Đã Đến Như Thế*“(*tathā āgata*), nghĩa là , người đã đến giữa chúng ta trong cùng một cách thế mà các vị Phật thời quá khứ đã đến; và người “ *Đã Đi Như Vậy*“(*tathā āgata*), nghĩa là người đã đi đến chỗ bình an tối thượng là Niết-bàn, cùng một cách thế như các vị Phật thời quá khứ đã đi. Và trong Chương X, phần Giới thiệu tổng quát của Bhikkhu Bodhi (trang 493, đoạn 3), ngài có giải thích rằng:..“ ...Như Lai ... có thể hiểu theo hai cách: được hiểu như là *tathā āgata*, nghĩa là ‘ *Đã Đến Như Thế*‘, ngụ ý rằng Đức Phật đã *đến*theo một mẫu mực đã định sẵn...; và được hiểu như là *tathā gata*, nghĩa là “ *Đã Đi Như Vậy*“, ngụ ý rằng Ngài đã *đi* theo một mẫu mực đã định sẵn (mà các bài luận giải đã diễn nghĩa là Ngài đã đi đến Niết Bàn bằng cách viên mãn tu tập về giới, định tuệ, các đạo lộ và đạo quả)...(xin xem thêm trang 497 : nhận xét của Bhikkhu Bodhi (đoạn 2) về những lời giải thích

ngắn vì sao Đức Phật được gọi là Như Lai).

Cũng như thế, khi đọc các Bộ Kinh Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm và Tăng Nhất A Hàm chúng ta cũng thấy được rằng: Khi các Vị Đệ Tử của Đức Phật lúc chứng quả A La Hán, các Ngài thường nói rằng: *“Ta việc sanh đã hết, những phạm hạnh đã lập, việc gì cần làm ta đã làm xong và ta biết chắc một điều là kiếp sau ta không còn tái sanh nữa”* . Trong khi đó văn bản tiếng Pali thì nói gọn hơn: *“Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại bất cứ trạng thái hiện hữu nào nữa”* . Cách dịch của Giáo Sư Nguyễn Nhật Trần Như Mai cũng rất hay ví dụ như: Vô văn phạm phu, để diễn tả cho những vị chưa liễu ngộ Pháp và Đa văn Thánh đệ tử để gọi đôi lại những bậc đã dự vào hàng Thánh. Chữ A Nhã Kiều Trần Như theo nguyên ngữ tiếng Pali là Liễu Pháp Kiều Trần Như, quả là lối dịch mới, khiến cho nhiều người có thể có thêm từ để dịch thuật. Ví dụ như chữ panna lâu nay chúng ta thường hiểu là Bát Nhã hay Trí Tuệ, nhưng nay Ngài Tỳ Kheo Nanamoli dịch thẳng từ tiếng Pali ra tiếng Anh có nghĩa là “tuệ tri” hay Tỳ Kheo Thanissaro dịch là “kiến tri” . Tất cả đều hay và đều rõ nghĩa, nhất là giáo lý Nam Truyền này căn cứ vào Bát Chánh Đạo, mà Chánh Kiến là quan trọng nhất khi thể nghiệm một điều gì. Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Thập Nhị Nhân Duyên hay 37 phẩm trợ đạo vốn là nền tảng chung cho cả Therava, Mahayana và Vjairayana, nhưng ở Theravada thì định nghĩa rõ ràng hơn như: Rõ biết về khổ, nguồn gốc của khổ, sự đoạn diệt khổ và con đường (Chánh kiến của Bát Chánh Đạo) dẫn đến sự diệt khổ. Vô minh, hành thức cũng vậy. Rõ biết về vô minh, nguồn gốc của vô minh, sự đoạn diệt vô minh và con đường dẫn đến (Chánh Kiến) sự đoạn diệt vô minh.... Tất cả đều do ái dục, ái nhiễm, nên vòng luân hồi sanh tử vẫn quay. Cho nên những ai chưa dứt hẳn ái dục thì chưa thể chứng Thánh Quả A La Hán. Trong sách này cũng có dẫn chứng một số các nam nữ cư sĩ đã chứng A La Hán, nhưng đa phần là ở trạng thái ngay sau khi chết, hoặc giả có vài trường hợp chứng khi còn sống nhưng sau đó phải xuất gia để đoạn trừ ái dục. Người học Phật nên hiểu rõ vấn đề này và không nên nhầm lẫn.

Nhìn chung thì đây là một tác phẩm, một dịch phẩm đáng đọc. Đọc để biết một Đức Phật lịch sử như Đức Thích Ca Mâu Ni, khi Ngài sanh ra như thế nào, Ngài đã nói những gì mà lâu nay các học giả vẫn còn tranh cãi, thì đây là một tác phẩm đã giải đáp được những phần chính này. Phật đã nói địa ngục như thế nào, Chư Thiên ở các tầng trời sinh hoạt ra sao và trạng thái của Niết Bàn là gì v.v... tất cả đều hiện rõ trong 10 chương tóm lược qua tác phẩm giá trị này. Những ai không có thì giờ để đọc hết Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh bằng chữ Hán gồm 100 quyển hay Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh bằng tiếng Việt gồm 203 quyển để ghi nhớ và tra cứu lại cho thật kỹ càng trước khi giảng dạy cho Phật Tử và nói rằng: Cái này Phật nói, cái kia Phật không nói v.v... Cái lỗi lớn nhất của những học giả và những nhà nghiên cứu là đọc chưa hết các Đại Tạng Kinh cả Nam lẫn Bắc truyền, mà đã vội kết luận như thế, thì quá sớm. Nếu là

một học giả chân chính thì sau khi giảng pháp nên nói rằng: Theo quan niệm riêng của tôi là như vậy, thì sẽ không có ai phản biện lại làm gì.

Đây là một tác phẩm tuyệt vời, bất cứ chúng ta theo truyền thống Phật Giáo nào cũng nên đọc, nhưng đáng tiếc là có một số lỗi chính tả không đáng phải xảy ra khi đánh máy, mà người xem lại lần cuối không kiểm soát kỹ. Trong khi những chú thích hay trong ngoặc tiếng Pali thì đánh máy rất cẩn thận, nhưng tiếng Việt thì sai những lỗi không cần có. Ví dụ như trang 404 chữ...thế gian của bậc A La Hán; nhưng chữ bậc ở đây lại đánh máy là t chứ không phải c. Trang 576 cũng vậy. Xưa nay tôi chưa thấy chữ những nào dấu hỏi mà ở trang này người đánh máy thì đánh như thế này.....rồi rằng vị ấy hỏi về những cấp bậc hành thiên..... Ở chương thứ 10 có chú thích đến số thứ tự 69; nhưng mới đọc đến chú thích số 64 chưa xong thì không biết tìm mấy chú thích còn lại ở đâu nữa. Đây là lỗi của nhà in, nhưng người soát lỗi lại sau cùng trước khi cho in, lơ đãng quá, không phải chỉ mấy lỗi ấy thôi, mà còn rất nhiều, rất nhiều ở trong nhiều chương như thế. Do vậy riêng tôi chỉ mong rằng chính dịch giả nên cố gắng rà soát lại từng trang để khi tái bản (do Thượng Tọa Nguyên Tạng đề xướng và có vận động quỹ ấn tống tại Trường Hạ Quảng Đức cho đợt ấn tống lần 2 vào khoảng Vu Lan 2016 hoặc Tết Đinh Dậu 2017) thì người đọc sẽ được lợi lạc hơn. Vì lẽ một tác phẩm có giá trị là một tác phẩm phải nên hoàn hảo ở mọi phương diện thì người đọc sẽ cảm thấy thoải mái hơn, khi đọc được một tác phẩm giá trị như vậy.

Người đọc sách hay kén chọn sách để đọc, bởi vì cầm một tác phẩm trên tay là cầm một giá trị văn học hay lịch sử để nghiên ngẫm truy tìm, mà lỡ nhận ra những lỗi như thế, quả là uổng vô cùng cho người đã có công dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Tôi không rành Pali và Phạn Ngữ, nên tôi thán phục những ai đã cố công dịch và dẫn giải những lời Phật dạy ra ngôn ngữ Mẹ đẻ của mình, đó là một điểm phúc vô cùng. Trong đó có Ngài Nyanaponika, Ngài Minh Châu, Ngài Bodhi và Giáo Sư Nguyên Nhật Trần Như Mai nữa. Xin tri ân chư vị rất nhiều và xin nhận nơi đây sự tỏ bày vô cùng trân quý và cảm kích của người đọc, khi đã đọc xong tác phẩm “Hợp tuyển lời Phật dạy từ Kinh Tạng Pali”, và vị nào muốn nghiên cứu kỹ càng hơn thì cũng nên đọc qua tác phẩm này để thể ngộ về trình độ Phật lý của chính mình.

Viết tại Tu Viện Viên Đức thuộc miền Nam nước Đức vào một ngày đẹp nhất trong năm (20.7.2016)

Thích Như Điển